

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2021
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quách Thị Q, sinh năm: 1993, địa chỉ: Ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Võ Minh T, sinh năm: 1992, địa chỉ: Ấp AT, thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Quách Thị Q trình bày:

Chị và anh Võ Minh T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2019, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2020. Sau khi cưới, vì tính chất công việc nên chị sống tại ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre còn anh T sống tại ấp AT, thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre, thỉnh thoảng anh chị mới gặp nhau. Do thời gian chị và anh T sống chung không nhiều nên tình cảm vợ chồng không được vun đắp, chị và anh T thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị và anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn là anh Võ Minh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Quách Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Võ Minh T có nơi cư trú tại ấp AT, thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Quách Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Minh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Minh T theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Q và anh Võ Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2020 nên quan hệ hôn nhân của chị Q và anh T được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị Q cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc do anh chị mỗi người sống một nơi không thường xuyên sống cùng nhau, giữa anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; chị và anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thể đoàn tụ được, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm gì đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết, anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị Q, cũng như anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa

án để thể hiện ý kiến của anh T về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Q, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Q được ly hôn với anh Võ Minh T.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Quách Thị Q và anh Võ Minh T không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.
3. Về án phí: Chị Quách Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000596 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Quách Thị Q đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn TT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân